

CONTACT US

VIET THUONG INDUSTRIAL COMPANY LIMITED

Headquarter: 50/34/23 TL29 street, 3B Hamlet, Thanh Loc Ward, District 12, Ho Chi Minh City (700000), Vietnam.

Office: 30 Kha Van Can street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City (700000), Vietnam.

Tax ID: 0311063404

Tel: +84-28-36369750 | +84-28-36369751

Fax: +84-28-36369762

Email: sales@inoxvietthuong.com.vn | sales@vthco.com

Website: www.inoxvietthuong.com.vn or <http://www.vthco.com>

PRODUCTS

- Pipe
- Flange
- Pipe Fittings
- Fasteners
- Valves
- Accessories



VIET THUONG INDUSTRIAL COMPANY LIMITED

Office: 30 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, HCM City, Vietnam.

Tel: +84-28-36369750 | +84-28-36369751 **Fax:** +84-28-36369762

Email: sales@inoxvietthuong.com.vn / sales@vthco.com

Website: www.inoxvietthuong.com.vn / <http://www.vthco.com>



VIET THUONG INDUSTRIAL COMPANY LIMITED

Worldwide Sourcing Solutions

OVER VIEW

Viet Thuong Industrial Co. Ltd was established in 2009 in Ho Chi Minh City, Vietnam.

We are an importer with extensive global supplier relationships, stock inventory and supply various kinds of metal and non-metallic products in various industries. Our main products include pipes, plates, coils/rolls, pipe fittings, flanges, valves, bolts & nuts, gaskets, camlock couplings that are used for shipbuilding, other marine services, offshore oil & gas, power plants, construction and maintenance services.

With significant experience in these industries, we always impress our customers with quality products, outstanding customer service and competitive pricing.

We have been creating mutually beneficial business relationships, with our customers and suppliers, for many years in Vietnam and abroad. All of us at VIET THUONG are committed to providing our customers with the highest quality products along with world class customer service.

We always appreciate our customers, enjoy their collaboration and support. We hope to do the same for you for many years to come.

GIỚI THIỆU

Công ty TNHH công nghiệp Việt Thương được thành lập năm 2009 tại thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chúng tôi là một nhà nhập khẩu dựa trên mối quan hệ nhà cung cấp toàn cầu, hàng tồn kho và cung cấp các loại sản phẩm kim loại và phi kim loại khác nhau trong các ngành công nghiệp khác nhau. Các sản phẩm chính của chúng tôi bao gồm ống, tấm, cuộn, phụ kiện đường ống, mặt bích, van, bu lông và đai ốc, miếng đệm, khớp nối camlock được sử dụng cho đóng tàu, dịch vụ hàng hải khác, dầu khí ngoài khơi, nhà máy điện, dịch vụ xây dựng và bảo trì.

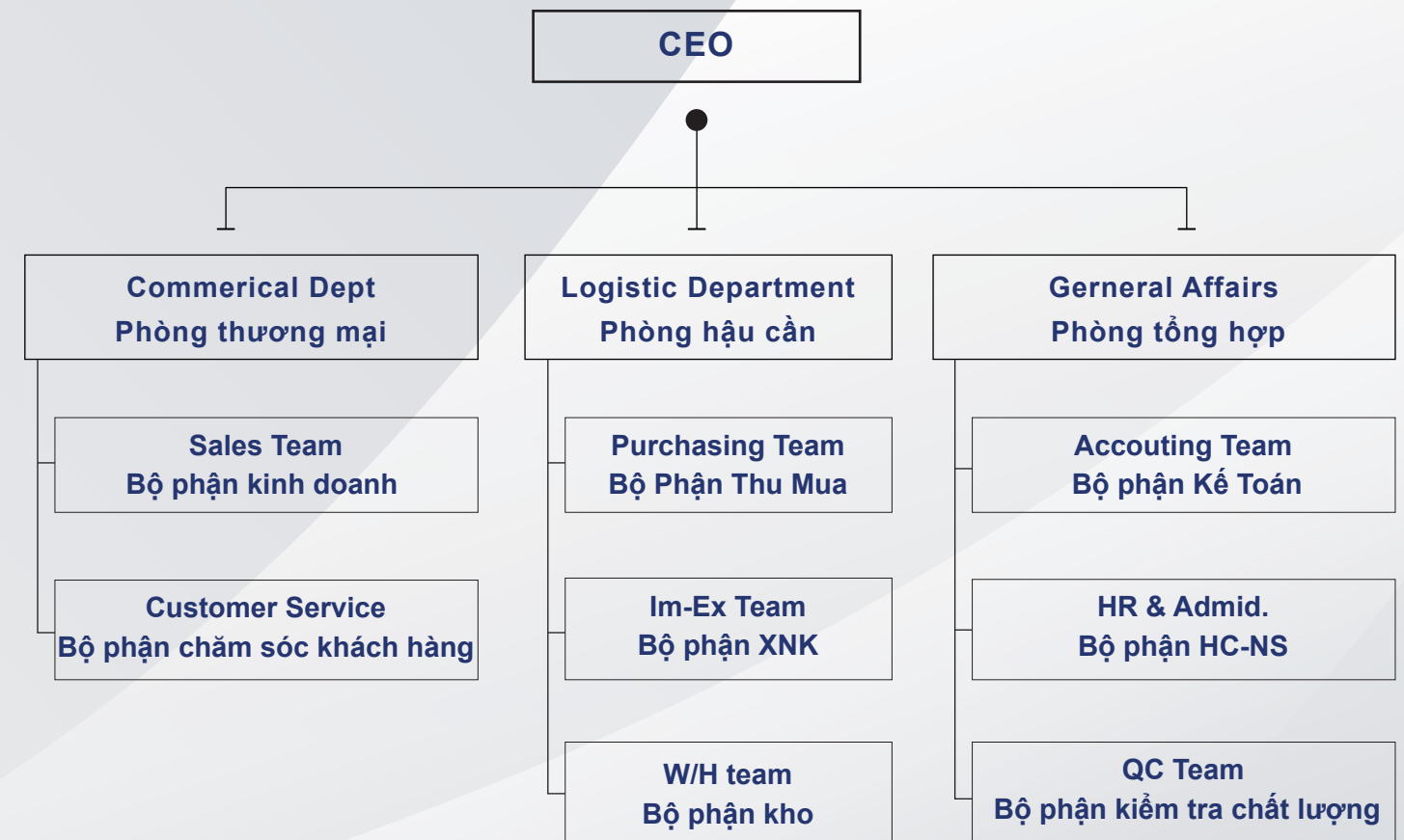
Với những kinh nghiệm quan trọng trong các ngành này, chúng tôi luôn gây ấn tượng với khách hàng bằng những sản phẩm chất lượng, dịch vụ khách hàng xuất sắc và giá cả cạnh tranh.

Chúng tôi đã và đang tạo ra các mối quan hệ kinh doanh cùng có lợi với khách hàng và nhà cung cấp của chúng tôi trong nhiều năm tại Việt Nam và nước ngoài. Tất cả chúng tôi tại VIỆT THUƠNG đều cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao nhất cùng với dịch vụ khách hàng đẳng cấp thế giới.

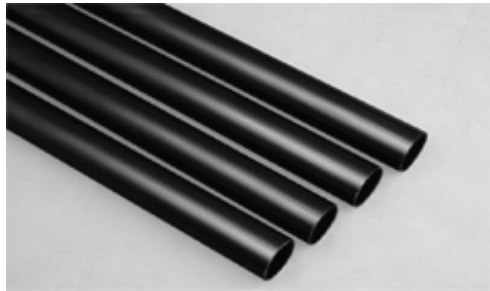
Chúng tôi luôn đánh giá cao khách hàng của chúng tôi, sự hợp tác và hỗ trợ của họ. Chúng tôi hy vọng sẽ làm điều tương tự cho bạn trong nhiều năm tới.

CEO - VO DUY TRUNG.

ORGANIZATION CHART - Sơ đồ tổ chức



PIPE PRODUCTS - Sản phẩm ống



HYDRAULIC TUBE - ỐNG DÙNG TRONG HỆ THUYẾT LỰC

- Standard – Tiêu chuẩn: DIN 2391, EN 10305-1, EN 10305-4
- Materials – Vật liệu: ST35, ST37.4, ST37, ST45, ST52, ST52.4, E235, E255, E355
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm OD6mm-60mm, wall thickness: 0.5mm – 10mm



CARBON STEEL PIPES - ỐNG THÉP ĐEN (LOẠI ỐNG ĐÚC VÀ ỐNG HÀN)

- Standard – Tiêu chuẩn: ASTM, API, BS, DIN, JIS, EN, GOST, GB
- Materials – Vật liệu: A106B, A53B, API5L, PSL1, PSL2, X42-X70, L245, L290, Q235C, Q345B-F, 10#, 20#, 45#
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng



STAINLESS STEEL PIPES - ỐNG INOX (LOẠI ỐNG ĐÚC VÀ ỐNG HÀN)

- Standard – Tiêu chuẩn: ASTM, API, BS, DIN, JIS, EN, GOST, GB
- Materials – Vật liệu: TP304/304L, TP316/316L, TP317/317L, TP321, TP347/347H S31803, S32750, S32760
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng



ALLOYS STEEL PIPES - ỐNG THÉP HỢP KIM

- Standard – Tiêu chuẩn: ASTM, API, BS, DIN, JIS, EN, GOST, GB
- Materials – Vật liệu: ASTM A213, A335, A234, A182, B111, ASTM A-335/A199 Gr.P1 /P5 /P9 / P11/P12 / P22 / P91, A213 T5, T11, T12, T22, P5, P9
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng



COPPER TUBES - ỐNG ĐỒNG

- Standard – Tiêu chuẩn: GB/T 17791, ASTM B280, ASTM B88, ASTM B819, ASTM B837, ASTM B306, BS EN1057, BS EN12735, BS EN13348 and JIS H330
- Materials – Vật liệu: Copper, Brass, Bronze
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng



ALUMINUM ALLOYS PIPES - ỐNG NHÔM HỢP KIM

- Standard – Tiêu chuẩn: GB/T 17791, ASTM B280, ASTM B88, ASTM B819, ASTM B837, ASTM B306, BS EN1057, BS EN12735, BS EN13348 and JIS H330
- Materials – Vật liệu: 7075, 7050, 2024, 2017, 6082, 6061, 5083, 5086
Temper: H111, H112, T651, T451
1100, 1050, 3003, 3105, 5005, 5052, 5754, 5083, 5086, 6061, 6082
Temper: O, H14, H18, H22, H32, H111, H112, T6,
- Sizes & Thickness – Kích thước sản phẩm As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng

FLANGE PRODUCTS - Sản phẩm bích

Flanges are manufactured according to ANSI B16.5, B16.47 Series A (MSS SP-44), B16.47 Series B (API 605), MSS SP-43, DIN 2527, DIN 2566, DIN 2576, DIN 2632, DIN 2633, DIN 2635, DIN 2642, BS10, IS 1538 & IS 6392, etc.



SOCKET WELDING FLANGE (SWF)



LAP JOINT FLANGE (LJF)



BLIND FLANGE (BLF)



WELDING NECK FLANGE (WNF)



SLIP – ON FLANGE (SOF)



THREAD (SCREWED) FLANGE (THDF)



ORIFICE FLANGE (ORIF)



SPADES AND SPACERS (PADDLE)



SPECTACLE BLIND FLANGE (SPECT)



SQUARE FLANGE



SAE FLANGE



LONG WELDING NECK FLANGE



SWIVEL RING FLANGE



NIPO FLANGE



STUDDED CROSSES AND TEE

FITTING PRODUCTS - Sản phẩm phụ kiện áp lực

- **Forged fittings Standard – Tiêu chuẩn của phụ kiện áp lực:**
ANSI B16.5, B16.11, MSS SP-97,
- **Materials – Vật liệu:**
A105/105N, F304/304L, F316/316L, 1Cr18NiTi, TP321, TP317L, 310S, 904L, Inco400, Inco600, Inco825.
- **Types connection – Kiểu kết nối**
Socket weld, NPT, BSPP, BSPT, BE, PE

Threaded Fittings



90D ELBOW45D ELBOWTEECROSS



FULL COUPLINGHALF COUPLINGCAPUNION

Threaded Fittings



HEX HEAD PLUGSQ HEAD PLUGROUND HEAD PLUGHEX HEAD BUSHING

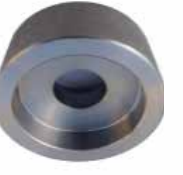


BOSSINSERTNIPPLESWAGE NIPPLE

Socket Welding Fittings



90D ELBOW45D ELBOWTEECROSS



COUPLINGREDUCERCAPUNION

Outlets

SOCKET OUTLET



WELDING OUTLET



THREADED OUTLET



NIPPLE OUTLET



FITTING PRODUCTS - Sản phẩm phụ kiện áp lực

PIPE FITTINGS - PHỤ KIỆN ĐƯỜNG ỐNG, (LOẠI ĐÚC VÀ HÀN)

- **Standard – Tiêu chuẩn:**
ASTM, API, BS, DIN, JIS, EN, GOST, GB, ISO, SMS, ASME B1.20.1
- **Materials – Vật liệu:**
ASTM A234, API5L, PSL1, PSL2, X42-X70, L245.
ASTM WP304/304L, 316/316L, 304H, 310S, A333-GR6
ALU-6061-T6, Copper, Broze, Brass, CuNi90/10
- **Types of Connection – Kiểu kết nối**
PE, BE, FNPT, BSPT, Socket.
- **Sizes & Wall thickness - Kích thước & độ dày sản phẩm**
As customers requested – theo yêu cầu của khách hàng



LOW PRESSURE FITTINGS



SANITARY FITTINGS



CARBON STEEL FITTINGS



COPPER FITTINGS



STAINLESS STEEL FITTINGS



HIGH PRESSURE FITTINGS



ALUMINUM FITTINGS



STAINLESS STEEL FITTINGS



HIGH PRESSURE FITTINGS

VALVES PRODUCTS - Sản phẩm công nghiệp.

STAINLESS STEEL VALVES – VAN INOX CÁC LOẠI



FORGED STEEL VALVES – VAN RÈN ÁP LỰC CAO CÁC LOẠI



CAST IRON & CAST STEEL VALVES – VAN ĐÚC CÁC LOẠI



PNEUMATIC ACTUATOR VALVES – VAN KHÍ NÉN CÁC LOẠI



FASTENER PRODUCTS - Sản phẩm bulong.

HEX HEAD BOLT – BULONG ĐẦU LỤC GIÁC .

Tiêu chuẩn vật liệu	Sizes	Chiều dài	Cấp bền
SAE J429	1/4"- 1 1/2"	3/4"-20"	GR.2, 5 AND 8
ASTM A307, A325	1/4"- 1 1/2"	3/4"-30"	8S, 10S
ASTM A490	1/2"- 1 1/2"	1-1/2"-12"	TYPE 1, TYPE 2, TYPE 3
ASTM A193	1/2"- 1 1/2"	1-1/2"-12"	GR.B7,B7M, B16, B8, B8M
DIN 6914	M12-M36	40-500MM	CL.HV-10.9
DIN 7990	M12-M60	40-500MM	CL.5.8,6.8, AND 8.8
DIN 931/ DIN933	M6-M60	15-500MM	CL.4.8,5.8,6.8,8.8 AND 10.9
DIN 960/ DIN961	M6-M60	15-500MM	CL.4.8,5.8,6.8,8.8 AND 10.9



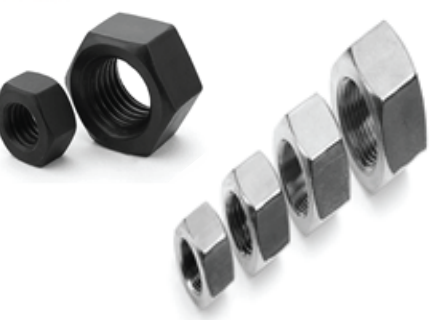
STUD BOLT – TY REN SUỐT.

Tiêu chuẩn vật liệu	Size	Vật liệu – Cấp bền
ASTM A193	¼"- 4"	GR.B7,B7M, B16, B8, B8M
ASTM A320	¼"- 4"	GR.L7, L7M, B8, B8M
SAE J429	¼"- 1 ½"	GR.2(307A), 5 AND 8
DIN 975	M6-M52	CL.4.8, 5.8,6.8 AND 8.8



HEX NUTS – TÁN LỤC GIÁC.

Tiêu chuẩn vật liệu	Size	Vật liệu – Cấp bền
SAE J995	¼"- 1 ½"	GR.2, 5 AND 8
ASTM A194	¼"- 4"	GR.2H, 2HM, 4, 7, 7M
ASTM A563(HEY,HEX)	¼"- 4"	GR.A, B, C AND DH, A563M 10S
DIN 6915	M12-M36	CL.HV-10
DIN 934	M6-M60	CL.5, 6, 8 AND 10



WASHERS – LONG ĐÈN.

Tiêu chuẩn vật liệu	Size	Vật liệu – Cấp bền
DIN 125A/ ISO 7089	M6 – M36	140 HV, 200 HV, 300HV
DIN 125B/ISO 7090	M6 – M36	140 HV, 200 HV, 300HV
DIN 433/ISO 7092	M6 – M36	140 HV, 200 HV, 300HV
DIN 127B/DIN 7980	M12-M36	140 HV, 200 HV, 300HV
ASTM F436/F436M	M6-M36	140 HV, 200 HV, 300HV



OTHER MATERIALS

Q235, C1018, C1070, C1035, C1045, 40Cr, 35CrMoA, B7(4140),42CrMo, 20MnTiB, SS304/316, etc.

SURFACE TREATMENT- BỀ MẶT THÀNH PHẨM

Plain, Black Finish, Zinc(Cr3+) Plated, Hot Dipped Galvanized, Dacromet, etc.

TAPPING DRILL SIZE CHART - Tiêu chuẩn bước ren.

TAPPING DRILL SIZE CHART

ISO METRIC COARSE

TAP SIZE	PITCH	TAPPING DRILL
M1.6	0.35	1.25
M2	0.4	1.6
M2.5	0.45	2.05
M3	0.5	2.5
M3.5	0.6	2.9
M4	0.7	3.3
M4.5	0.75	3.7
M5	0.8	4.2
M6	1.0	5.0
M8	1.25	6.8
M10	1.5	8.5
M12	1.75	10.2
M14	2.0	12
M16	2.0	14
M18	2.5	15.5
M20	2.5	17.5
M22	2.5	19.5
M24	3.0	21
M27	3.0	24
M30	3.5	26.5
M33	3.5	29.5
M36	4.0	32
M42	4.5	37.5
M45	4.5	40.5
M48	5.0	43

ISO METRIC FINE

TAP SIZE	PITCH	TAPPING DRILL
M4	0.5	3.5
M5	0.5	4.5
M6	0.75	5.3
M8	1.0	7.0
M10	1.25	8.8
M12	1.5	10.5
M14	1.5	12.5
M16	1.5	14.5
M18	1.5	16.5
M20	1.5	18.5
M22	1.5	20.5
M24	2.0	22
M25	1.5	23.5
M32	1.5	30.5
M40	1.5	38.5
M50	1.5	48.5

UNIFIED NATIONAL COARSE (UNC)

TAP SIZE	TIPI	TAPPING DRILL
#10(.190)	24	3.8
#12(.216)	24	4.5
1/4	20	5.1
5/16	18	6.6
3/8	16	8.0
7/16	14	9.4
1/2	13	10.8
9/16	12	12.2
5/8	11	13.5
3/4	10	16.5
7/8	9	19.5
1	8	22.2
1-1/8	7	25.0
1-1/4	7	28.0
1-3/8	6	31.0
1-1/2	6	34.0
1-3/4	5	39.5
2	4.5	45.0

UNIFIED NATIONAL COARSE (UNF)

TAP SIZE	TIPI	TAPPING DRILL
#10(.190)	32	4.1
#12(.216)	28	4.6
3/16	32	4.0
1/4	28	5.5
5/16	24	6.9
3/8	24	8.5
7/16	20	9.8
1/2	20	11.5
9/16	18	12.8
5/8	18	14.5
3/4	16	17.5
7/8	14	20.5
1	12	23.5
1-1/8	12	26.5
1-1/4	12	29.5
1-3/8	12	33.01
1-1/2	12	36.0

CONVERSION CHART - Thông số chuyển đổi

CONVERSION CHART

LENGTH & MASS

Convert From	Convert To	Multiply By
Inch	Mm	25.4
Ounce (oz.)	Gram	28.34952
Puond	Kilogram (kg)	0.4535924
Uk Ton	Tonne (1000kg)	1.01605

TORQUE UNITS

Convert From	Convert To	Multiply By
Pound face Foot (lbf.ft)	Newton-Metre(Nm)	1.35582
Newton-Metre(Nm)	Pound Force-Foot (bf.ft)	0.737562
Pounch Force-Inch (lbf.in)	Newton-Metre(Nm)	0.113
Newton-Metre(Nm)	Pound Force-Inch (bf.in)	8.851

AREA & VOLUME UNITS

Convert From	Convert To	Multiply By
Hextare	Acres	2.471
Square Metre (m2)	Square Feet (Ft2)	10.764
Square feet (Ft2)	Square Metre (m2)	0.092903
Square Inch (in2)	Square mm(mm2)	645.16
Litre	US Gallon	0.264172

SOCKET SCREW WRENCH SIZES - METRIC

Socket Dia (mm)	Wrench Size(mm)
M2	1.5mm
M2.5	2.0mm
M3	2.5mm
M4	3.0mm
M5	4.0mm
M6	5.0mm
M8	6.0mm
M10	8.0mm
M12	10.0mm
M14	12.0mm
M16	14.0mm
M18	14.0mm
M20	17.0mm
M24	19.0mm
M30	22.0mm
M36	27.0mm

PRESSURE & FORCE UNITS

Convert From	Convert To	Multiply By
Pound Force/Inch2 (psi)	Mega-Pascal(Mpa)	0.00689
Ksi	MPa	6.89
Ksi	Psi	1000
Mega-Pascal (MPa)	Pound Force/Inch2 (psi)	145
Pound Force/ Inch2 (psi)	Kg/mm2	0.000703
Kg/mm2	Pound Force/ Inch2(psi)	1422.5
Pound/Inch2(psi)	Ton/ Inch2 (Tsi)	0.000446
Ton Force (tonf)	Pound-Force (lbf)	2240
Ton-Force (tonf)	Pound-Force(lbf)	2240
Pound-Force (lbf)	Kilo-Newton (kN)	0.00445
Kilo-Newton (kN)	Pound-Force (lbf)	224.8

STANDARD THREAD LENGTH FOR BOLTS

Nominal Length of Bolts	Nominal Length of Thread
Up to and including 125mm	2D + 6mm
Over 125mm up to and including 200mm	2D + 12mm
Over 200mm	2D + 25mm

SOCKET SCREW WRENCH SIZES - IMPERIAL

Socket Dia (mm)	Wrench Size(mm)
3/16	5/32
1/4	3/16
5/16	1/4
3/8	5/16
7/16	3/8
1/2	3/8
9/16	7/16
5/8	1/2
3/4	5/8
7/8	3/4
13/4	
1-1/4	7/8
1-1/2	1
1-3/4	1-1/4
2	1-1/2

SANITARY PRODUCTS - Sản phẩm inox vệ sinh.



GASKET PRODUCTS - Sản phẩm vòng đệm.



GLAND PACKING

JACKETED GASKET

SPRIAL WOULD GASKET



ISOLATION GASKET KITS



FLAT GASKETV



RING TYPE JOINT GASKET



SOLID GASKET



KAMPROFILE GASKET



SHEET GASKET



GASKET PRODUCTS - Sản phẩm vòng đệm.



FLEXIBLE EXPANSION JOINT



FABRIC EXPANSION JOINT



ISOLATION COPPER TUBE



METAL EXPANSION JOINT



RUBBER EXPANSION JOINT



COMPOSITE HOSE



INTERLOCK HOSE



METAL FLEXIBLE JOINT



METAL BELLOW

PRODUCT PHOTOS - Hình ảnh tham khảo.



SOME OUR VALUABLE CUSTOMERS - Khách hàng truyền thống

